TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT** TỈNH LÂM ĐỒNG Bản án số: 11/2017/DS-ST Ngày: 24-7-2017 V/v: "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hải Long

2. Bà Trần Thị Ngọc Kim

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thành Luân – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2016 về việc: *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST - DS ngày 30/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST-DS ngày 19/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N1; cư trú tại đường S, Khu phố M, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Đình N2; cư trú tại thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2016).

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2; cư trú tại đường Đ, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Vợ chồng ông H1, bà H2 vắng mặt, ông N2có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Ngọc có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào ngày 04/4/2011, ông Nguyễn Thành N1 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 03 lô đất tọa lạc tại xã P, huyện

L, tỉnh Lâm Đồng với số tiền 250.000.000đ, việc giao dịch nói trên đã hoàn thành. Vợ chồng ông H1, bà H2 đã trả cho ông N1 30.000.000đ, còn nợ lại 218.000.000đ và hẹn sau một thời gian sẽ trả. Đến ngày 20/01/2013, vợ chồng ông H1, bà H2 viết giấy nợ, hẹn trả số tiền còn lại trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 20/01/2013 đến ngày 20/01/2014.

Theo ông Dương Đình N2, người đại diện theo ủy quyền của ông N1, trình bày thì khi hết thời hạn nêu trên, ông N1 đã chủ động gặp gỡ vợ chồng ông H1, bà H2 để yêu cầu trả nợ nhưng vợ chồng ông H1, bà H2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Nay ông N1 có đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 trả số tiền nợ gốc 218.000.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa,

Ông Nguyễn Thành N1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 218.000.000đ cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa ông Nguyễn Thành N1 và vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 có xác lập giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do chưa có khả năng thanh toán toàn bộ số tiền chuyển nhượng nên sau đó vợ chồng ông H1, bà H2 đã viết giấy nhận nợ số tiền còn thiếu và hẹn thời gian thanh toán nhưng sau đó không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết nên nay ông N1 có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn thiếu. Do vậy có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán"* theo quy định tại khoản 14, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Do vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và đưa vụ án ra xét xử.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận nợ giữa các bên là có xảy ra trong thực tế, theo nội dung của giấy nhận nợ ngày 20/01/2013 thì vợ chồng ông H1, bà H2 thừa nhận còn thiếu số tiền 218.000.000đ. Do vợ chồng ông H1, bà H2 vắng mặt; để có cơ sở giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành ra quyết định trưng cầu

giám định chữ ký của vợ chồng ông H1, bà H2 trong giấy nhận nợ nói trên so với chữ ký tại hợp đồng tín dụng số NA.0077.12/HĐTD ngày 15/9/2012 của Ngân hàng C – Chi nhánh Lâm Đồng, Phòng giao dịch T (vợ chồng ông H1, bà H2 là người vay nợ). Tại bản kết luận giám định số 29/GĐ-PC54 ngày 09/12/2016 Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận chữ ký của ông Nguyễn Đoàn H1 và Hà Thị Thu H2 trong giấy nợ ghi ngày 20/01/2013 so với chữ ký trong tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Do vậy nay ông Nguyễn Thành N1 yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu là có cơ sở xem xét.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời *"Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong tỏa tài sản ở nơi gửi giữ"* đối với số tiền của vợ chồng ông H1, bà H2 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng gửi giữ tại tài khoản tiết kiệm tại Ngân hàng N – Chi nhánh L. Tòa án đã có Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2016 phong tỏa số tiền 218.000.000đ của tài khoản tiết kiệm nói trên. Xét việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, để đảm bảo cho việc thi hành án sau này, cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời vừa nêu.

Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N1, buộc vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 phải trả cho ông N1 số tiền 218.000.000đ; tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2016 và Thông báo sửa chữa, bổ sung quyết định số 16/2016/TB-TA ngày 21/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] *Về chi phí tố tụng: chi phí giám định*: Qua kết quả giám định thì đã xác định chữ ký trong giấy nhận nợ ngày 21/03/2013 là của vợ chồng ông H1, bà H2; do vậy bị đơn phải chịu chi phí giám định là 4.000.000đ, nguyên đơn đã tạm ứng trước số tiền nói trên nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán lại cho nguyên đơn số tiền này.

[6] *Về án phí:* Do yêu cầu được chấp nhận nên ông N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông H1, bà H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 280, 281, 290 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 2, Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành N1 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán"* đối với vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 phải trả cho ông Nguyễn Thành N1 số tiền 218.000.000đ *(hai trăm mười tám triệu đồng).*

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2016/QĐ-BPKCTT ngày 18/11/2016 và Thông báo sửa chữa, bổ sung quyết định số 16/2016/TB-TA ngày 21/11/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

+ Về án phí, chi phí tố tụng:

- *Về án phí:*

Vợ chồng ông Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.900.000đ.

Ông Nguyễn Thành N1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.450.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002604 ngày 01/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Về chi phí tố tụng:*

Vợ chồng Nguyễn Đoàn H1, bà Hà Thị Thu H2 phải chịu chi phí giám định là 4.000.000đ. Do ông N1 đã nộp số tiền nói trên nên vợ chồng ông H1, bà H2 phải thanh toán lại cho ông N1 số tiền 4.000.000đ.

+ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

+ Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ;
- Chi cục THADS tp. Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Châu Thạch